TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2019/DS-ST
Ngày: 17/01/2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tấn Thành
2. Ông Hồ Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Nhật Chuyên – Thư ký TAND thị xã Sông Cầu
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST - DS ngày 06 tháng 12 năm 2018. Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1988.
Địa chỉ: KP.A T, P.X Đ, thị xã S C, tỉnh Phú Yên. Có mặt

Bị đơn: V/c ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1987 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989 (ông H ủy quyền cho bà T theo văn bản ủy quyền ngày 17/12/2018). Địa chỉ: KP.P L, P.X Y, thị xã S C, tỉnh Phú Yên.
Bà T có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; các lời khai có tại hồ sơ vụ án,tại phiên hòa giải, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Năm 2018 bà T có cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Thu T mượn tiền để làm ăn cụ thể các lần mượn như sau: Lần thứ nhất ngày 5/01/2018 mượn số tiền 160.000.000 đồng, lần thứ hai ngày 31/5/2018 mượn số tiền 50.000.000 đồng; lần thứ ba ngày 01/06/2018 mượn số tiền 100.000.000 đồng; các lần mượn tiền đều có lập giấy mượn tiền vợ chồng ông H bà T đều ký tên. Nhưng khi mượn tiền xong đến hạn trả nợ vợ chồng ông H, bà T không trả nợ cho bà T, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà T trả toàn bộ số nợ 310.000.000 đồng cho bà T.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 19/12/2018, tại phiên hòa giải ngày 05/01/2019 cũng như tại phiên tòa bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu T (ông H ủy quyền cho bà T) thống nhất trình bày:

Bà T xác định vợ chồng ông bà có mượn tiền của bà Võ Thị Thu T như bà T trình bày, vợ chồng bà mượn tiền bà T tổng cộng ba lần với số tiền là 310.000.000 đồng để làm ăn, nhưng vợ chồng bà làm ăn thất bại không có tiền trả nợ cho bà T, do điều kiện khó khăn nên vợ chồng bà yêu cầu bà Võ Thị T cho vợ chồng bà được trả dần hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Việc tuân theo quy định của pháp luật, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp, sự thừa nhận của bị đơn về khoản tiền nợ mà nguyên đơn yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị T buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Thu T trả cho bà Võ Thị T số tiền còn nợ là 310.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại KP. Phước Lý, P.Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mượn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn căn cứ vào giấy xác lập mượn tiền giữa nguyên đơn với bị đơn vợ chồng ông H, bà T để yêu cầu Tòa buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả số tiền là 310.000.000 đồng cho nguyên đơn, được bị đơn vợ chồng ông H, bà T thừa nhận. Nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn vợ chồng ông H, bà T xin bà Võ Thị T cho trả dần hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 310.000.000 đồng không được nguyên đơn đồng ý. Nên buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả đủ một lần số tiền 310.000.000 đồng cho nguyên đơn là thỏa đáng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T, buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Võ Thị T số tiền là 310.000.000 đồng *(Ba trăm mười triệu đồng)*.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí 7.750.000 đồng *(Bảy triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0006699 ngày 30/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu số tiền 15.500.000 đồng *(Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND T.x Sông Cầu, Phú Yên
- Chi cục thi hành án T.x Sông Cầu, Phú Yên
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Văn Tôn